TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2026/HS-ST
Ngày: 26-6-2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Nam.

Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Hường.

Bà Vũ Thị Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Kiều Trang - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Mai Anh Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2026/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2026/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2026, đối với bị cáo: **Trần Văn T**, sinh ngày 15/10/2000, tại xã H, tỉnh Ninh Bình. CCCD số 036200006348.

Nơi cư trú: thôn C, xã H, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn T1, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự: không.

- Nhân thân:

Ngày 30/9/2015, Toà án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định ra Quyết định số 02 áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi "Trộm cắp tài sản";

Bản án số 09 ngày 23/03/2018 của Toà án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định xử 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Bản án số 16 ngày 30/5/2018 của Toà án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định xử 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và 09 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Bản án số 149/2026/HS-ST ngày 14/4/2026 của Toà án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội tuyên án 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Tiền án:

Bản án số 20 ngày 27/4/2021 của Toà án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định xử 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chưa được xóa án tích.

Bản án số 35 ngày 18/8/2022 của Toà án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định xử phạt 42 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết tăng nặng "Tái phạm", ngày 28/6/2025 T chấp hành xong hình phạt tù, đến nay chưa được xóa án tích.

Hiện tại bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2026 đến nay, tại Trại tạm giam số 2- Công an Thành phố H (vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị hại:* Bà Phạm Thị K, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Thôn V, xã H, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Xuân N, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn P, xã H, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Bà Nguyễn Thị L (vắng mặt).

+ Ông Phạm Văn K1 (vắng mặt).

+ Chị Phạm Thị T2 (vắng mặt).

+ Chị Lê Thị Hồng N1 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 17/01/2026, Trần Văn T đi xe đạp điện màu đen từ nhà đến quán I để chơi game. Khoảng 30 phút sau, do hết tiền nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau đó, T điều khiển xe đi về phía UBND xã H thì xe hết điện, nên T vào cửa hàng tạp hóa của chị Lê Thị Hồng N1, ở thôn V, xã H, tỉnh Ninh Bình để xin sạc nhờ. Trong thời gian chờ sạc xe, T đi bộ lên khu vực thôn V, xã H, khi đi đến nhà bà Phạm Thị K, thấy cổng không khóa, trong nhà không có người trông coi, T lén lút đi vào phòng ngủ cạnh cầu thang, lục tìm tài sản và phát hiện trong vỏ gối ở đầu giường có 01 bao lì xì màu đỏ, bên trong có 6.900.000 đồng, T lấy bỏ vào túi quần, còn vỏ bao lì xì T để lại vị trí cũ; sau đó, T tiếp tục mở tủ quần áo ở góc nhà, phát hiện trong túi áo khoác có hộp nhựa hình tròn màu đỏ, trong có 01 chiếc nhẫn tròn màu vàng mặt trong có khắc chữ "Nhâm thìn" và dãy số "999", T cho vào túi quần đang mặc, rồi đi theo đường cũ về chỗ sạc xe đạp điện, T xin lại xe và điều khiển xe đi về. Trên đường về T vào cửa hàng V, ơ thôn P, xã H bán chiếc nhẫn vàng cho anh Nguyễn Xuân N được 14.920.000 đồng (Mười bốn triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng). Sau đó, T đi về nhà, đưa số tiền 6.900.000 đồng cho mẹ là bà Nguyễn Thị L, rồi T bắt xe đi lên thành phố Hà Nội. Số tiền còn lại T tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 20/01/2026, T tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản gồm số tiền 6.300.000 đồng và một số đồ trang sức kim loại màu vàng, kim loại màu trắng ở số nhà A, ngõ A G, phường B, thành phố Hà Nội thì bị Công an phường B, thành phố Hà Nội phát hiện, bắt giữ.

Ngay sau khi phát hiện bị mất tài sản, bà Phạm Thị K làm đơn trình báo. Nhận được đơn, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N đã tiến hành điều tra xác minh. Ngày 21/01/2026 anh Nguyễn Xuân N giao nộp 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, mặt trong có in chữ "Nhâm thìn" và dãy số "999"; bà Nguyễn Thị L giao nộp số tiền 6.900.000 đồng và chiếc xe đạp điện nhãn hiệu HTC Bike màu đen. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N thu giữ của Trần Văn T 01 áo phông ngắn tay màu cam, 01 áo khoác màu đen, trắng và 01 quần bò dài màu xanh đen.

Ngày 30/01/2026, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N đã Yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc nhẫn do Trần Văn T trộm cắp.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 15 ngày 04/02/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã H, kết luận giá trị của 01 chiếc nhẫn vàng trọng lượng 3,75 gam, có in dòng chữ "Nhâm Thìn" và dãy số "999" tại thời điểm ngày 17/01/2026 là 14.860.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 29/CT-VKSKV8 ngày 14-5-2026, của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8, tỉnh Ninh Bình đã truy tố Trần Văn T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo xin vắng mặt và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt.

Bà Phạm Thị K đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất, không yêu cầu đề nghị gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8, tỉnh Ninh Bình trình bày quan điểm luận tội, đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng:

- Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội "trộm cắp tài sản", tại bản án số 149/2026/HS-ST ngày 14/4/2026 của Toà án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội; bị cáo Trần Văn T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án; thời hạn tù tính từ ngày 21/01/2026.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn T phải trả lại số tiền 14.920.000 đồng (Mười bốn triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) cho anh Nguyễn Xuân N.

- Xử lý vật chứng, căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Trần Văn T 01 quần bò dài màu xanh đen, 01 áo phông ngắn tay màu cam, 01 áo khoác màu đen (cũ đã qua sử dụng).

- Về án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo có đơn xin vắng mặt tại phiên toà: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị xin vắng mặt tại phiên toà của bị cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chứng cứ, tội danh: Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, bằng lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập trong quá trình điều tra. Nên có đủ căn cứ kết luận:

Trần Văn T có hai tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích. Khoảng 15 giờ ngày 17/01/2026, T lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản đã lén lút vào nhà của bà Phạm Thị K ở thôn V, xã H, tỉnh Ninh Bình, chiếm đoạt số tiền 6.900.000 đồng và 01 chiếc nhẫn vàng trị giá 14.860.000 đồng, tổng giá trị tài sản T chiếm đoạt là 21.760.000 đồng, nhằm mục đích tiêu xài cá nhân.

Như vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản được quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Vì T đã nhiều lần bị kết án chưa được xoá án tích và đã tái phạm, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm", nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4] Tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi nêu trên của bị cáo là cố ý, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm tới quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, có hai tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích. Nhưng bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện và không tiến bộ. Sau khi chấp hành án về địa phương, bị cáo không tu trí hoàn lương mà vẫn tiếp tục có

hành vi vi phạm pháp luật. Ngoài ra ngày 20/01/2026 bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản tại số nhà A, ngõ A, phố G, phường B, thành phố Hà Nội và đã bị Toà án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội tuyên án 24 tháng tù, theo bản án số 149/2026/HS-ST ngày 14/4/2026.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo xin vắng mặt và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt được xem xét; do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Đường lối xử lý: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; Hội đồng xét thấy bị cáo có nhân thân xấu, hành vi trộm cắp tài sản là lỗi cố ý, đã nhiều lần bị xét xử về tội trộm cắp tài sản, nhưng bị cáo đều không tiến bộ chứng tỏ ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo kém, nên cần phải có mức hình phạt nghiêm minh đối với bị cáo và phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có đủ các điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình, cho xã hội và để răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

[7]. Tổng hợp hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt 24 tháng tù tại bản án số 149/2026/HS-ST ngày 14/4/2026 của Toà án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội; bị cáo Trần Văn T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Công an tỉnh N đã thu giữ và đã trả lại 01 (một) chiếc nhẫn vàng mặt trong có in chữ “Nhâm thìn”, dãy số “999” trọng lượng 3,75 gam và số tiền 6.900.000 đồng cho người bị hại, bà Phạm Thị K đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường, đề nghị gì khác. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi trộm cắp tài sản, bị cáo đã bán chiếc nhẫn vàng cho anh Nguyễn Xuân N chủ cửa hàng vàng “C", ơ thôn P, xã H, tỉnh Ninh Bình với số tiền 14.920.000 đồng. Nay anh N yêu cầu T phải hoàn trả lại số tiền 14.920.000 đồng, được xem xét và buộc bị cáo T phải trả lại số tiền 14.920.000 đồng (Mười bốn triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) cho anh Nguyễn Xuân N.

[9] Về xử lý vật chứng:

01 (một) chiếc xe đạp điện nhãn hiệu HTC Bike, màu đen; quá trình điều tra xác định là tài sản của bà Nguyễn Thị L, bà L hoàn toàn không biết việc T tự ý lấy xe đi trộm cắp tài sản; do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã trả lại chiếc xe đạp điện cho bà L là đúng.

01 quần bò dài màu xanh đen, 01 áo phông ngắn tay màu cam, 01 áo khoác màu đen, trắng. Đây là quần áo của bị cáo, không phải là công cụ, phương tiện phạm tội, nên trả lại cho bị cáo.

[10] Về tư cách tham gia tố tụng: Đối với bà Nguyễn Thị L quá trình điều tra bà L không yêu cầu đề nghị gì; vì vậy xác định bà L là người làm chứng, không phải là người liên quan đến vụ án.

[11] Về án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/01/2026.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tại bản án số 149/2026/HS-ST ngày 14/4/2026 của Toà án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội; bị cáo Trần Văn T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 05 (năm) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 21/01/2026.

3. Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn T phải trả lại số tiền 14.920.000 đồng (Mười bốn triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) cho anh Nguyễn Xuân N.

4. Xử lý vật chứng, căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Trần Văn T 01 quần bò dài màu xanh đen, 01 áo phông ngắn tay màu cam, 01 áo khoác màu đen (cũ đã qua sử dụng).

(Vật chứng đang được quản lý tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8, tỉnh Ninh Bình, theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02/6/2026).

5. Án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp 746.000đ (bảy trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Bị hại bà Phạm Thị K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo Trần Văn T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Xuân N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. (Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Xuân N chỉ được kháng cáo đến phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Khu vực 8;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Công an tỉnh Ninh Bình.
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trường Nam